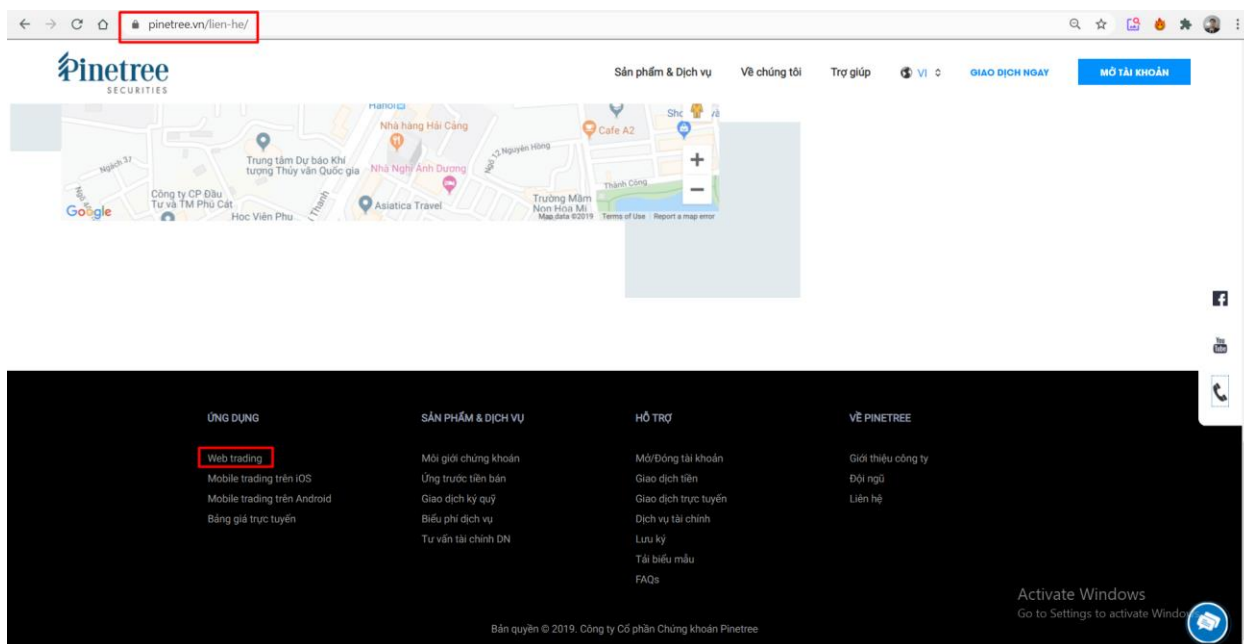


Pinetree Web Trading System (WTS)

Hướng dẫn sử dụng cho người dùng

1. Đăng nhập hệ thống

1.1. Truy cập từ Trang chủ chứng khoán Pinetree (Pinetree)



- Bước 1: Quý khách truy cập vào đường dẫn: <https://pinetree.vn/> và click “Giao dịch ngay” góc trái trên cùng hoặc “Web Trading” phía cuối trang.
- click chuột vào nút “Giao dịch ngay” Bước 2: Trang đăng nhập hệ thống WTS xuất hiện như hình dưới đây:

WTS USER GUIDE DOCUMENT



1.2. Truy cập trực tiếp:

- Bước 1: Quý khách truy cập trực tiếp vào đường dẫn: <https://trading.pinetree.vn/Login>
- Bước 2: Trang đăng nhập hệ thống WTS xuất hiện như hình dưới đây:



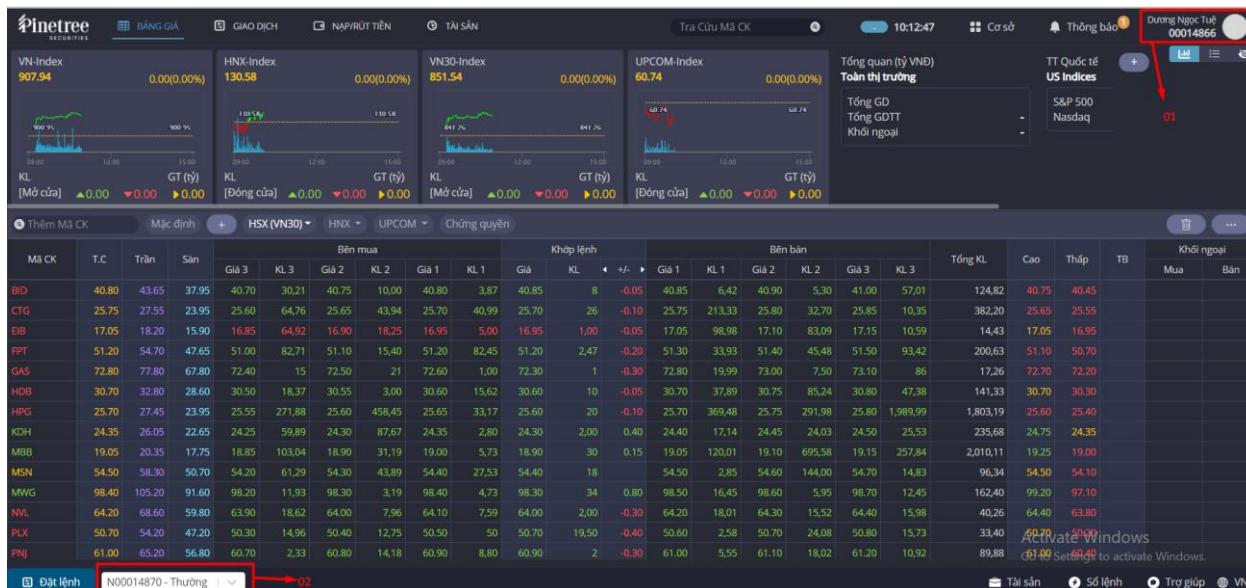
Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

2. Xem hồ sơ và thông tin cá nhân

2.1. Hồ sơ cá nhân

Sau khi đăng nhập thành công, Quý khách sẽ nhìn thấy màn hình hiển thị các thông tin:

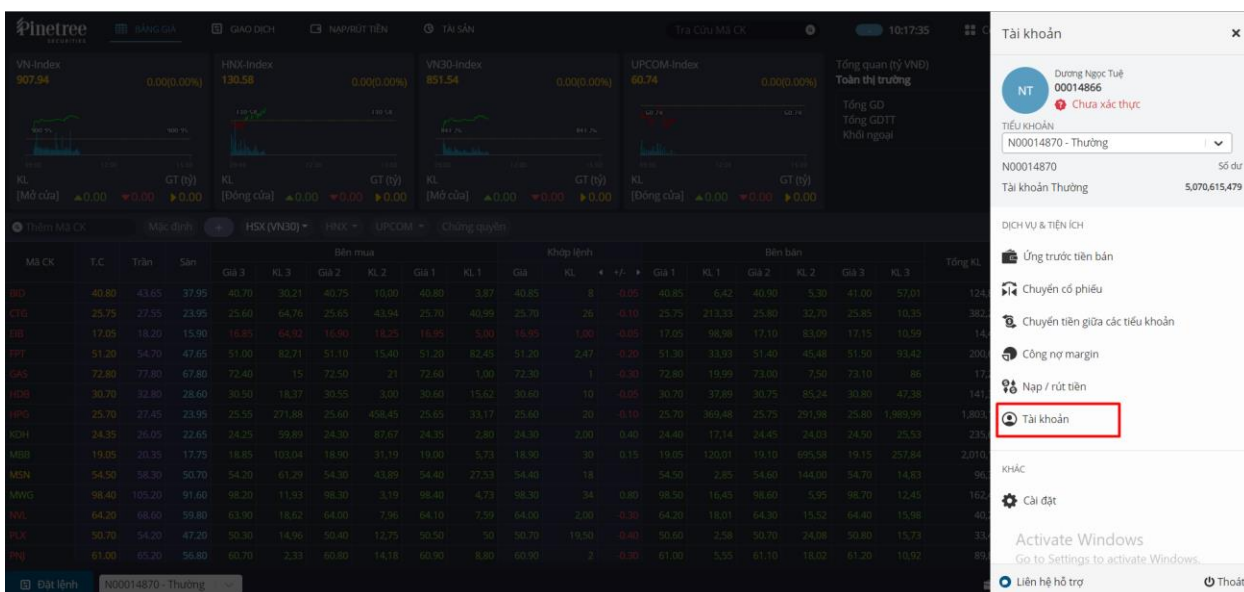


- Khu vực 01: Hiển thị tên Khách hàng (KH) và số CIF của KH tại Pinetree. (Số CIF là duy nhất và là số định danh của KH trên hệ thống Pinetree)
- Khu vực 02: Hiển thị số tiểu khoản thường của KH tại Pinetree

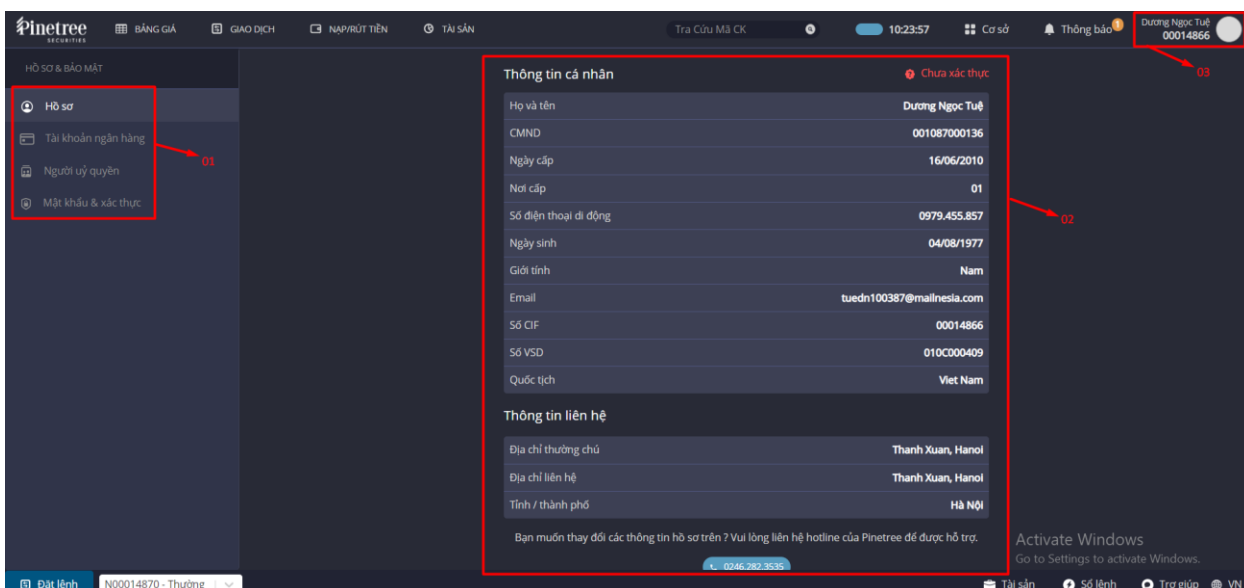
Để xem thông tin và hồ sơ cá nhân, KH sử dụng menu trái như hình dưới đây:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



Sau khi click vào “Tài khoản”, KH sẽ được đưa tới màn /hình “Thông tin cá nhân” như hình dưới đây:



Mục 01: Gồm:

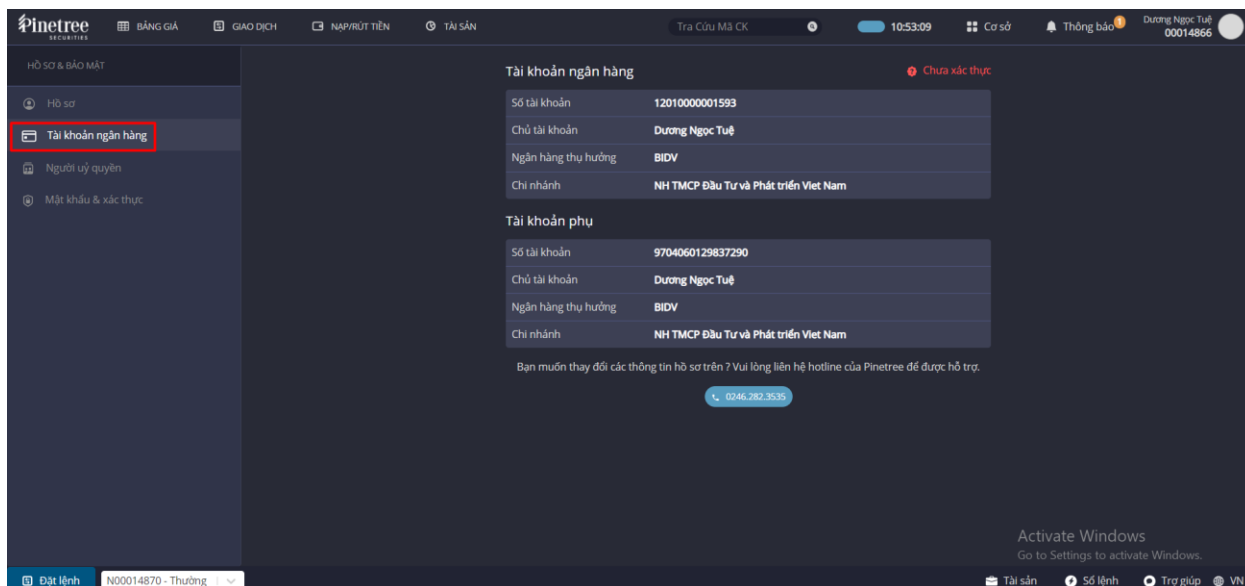
- Hồ sơ (mặc định): Thông tin cá nhân của KH.
- Tài khoản ngân hàng: Thông tin về tài khoản ngân hàng.
- Người uỷ quyền: Thông tin về người uỷ quyền.
- Mật khẩu và xác thực: Thông tin và thay đổi mật khẩu.

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Mục 02: Gồm các thông tin hiển thị chi tiết
- Mục 03: Họ tên và số CIF của KH

2.2. Tài khoản ngân hàng:



- Bước 1: Click vào menu “Tài khoản ngân hàng”
- Bước 2: Các thông tin về tài khoản ngân hàng đã đăng ký của KH sẽ hiển thị, bao gồm:
 - Số tài khoản
 - Chủ tài khoản
 - Ngân hàng thụ hưởng
 - Chi nhánh

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

2.3. Thông tin người uỷ quyền:

Người uỷ quyền Chưa xác thực

Họ và tên	Dương Ngọc Tuệ
CMND	-
Ngày cấp	-
Nơi cấp	-
Giới tính	-
Địa chỉ liên hệ	-
Loại GD được uỷ quyền	-
Ngày bắt đầu	-
Ngày kết thúc	-

Người uỷ quyền khác

Họ và tên	Dương Ngọc Tuệ
CMND	-
Ngày cấp	-
Nơi cấp	-
Giới tính	-
Địa chỉ liên hệ	-
Loại GD được uỷ quyền	-

- Bước 1: KH click vào menu “Người uỷ quyền”
- Bước 2: Các thông tin về người uỷ quyền đã đăng ký của KH sẽ hiển thị bao gồm::
 - Họ và tên
 - CMND
 - Ngày cấp
 - Nơi cấp
 - Giới tính
 - Địa chỉ liên hệ
 - Loại GD được uỷ quyền
 - Ngày bắt đầu
 - Ngày kết thúc

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

2.4. Mật khẩu và xác thực:

- Bước 1: KH click vào menu “Mật khẩu và xác thực”
- Bước 2: Các thông tin về tên đăng nhập, tài khoản mặc định và các phương thức xác thực (PTXT) đã đăng ký sẽ được hiển thị

3. Nạp/Rút tiền

Tính năng này hỗ trợ KH thao tác Nạp và Rút tiền vào tài khoản chứng khoán tương ứng.

KH truy cập vào menu “Nạp/Rút tiền” (Khu vực 01) hoặc vào menu trái “Nạp/Rút tiền” (Khu vực 02)

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

2.1 Nạp tiền:

- Bước 1: Hệ thống tự động sinh cú pháp chuyển tiền theo đúng số tài khoản của KH
→ KH có thể nhớ cú pháp này hoặc sử dụng nút **Copy** để copy nhanh trên điện thoại/máy tính (Khu vực 03).
- Bước 2: KH xem danh sách những Tài-khoản-nhận-tiền của Pinetree tại Khu vực 04 và chuyển khoản vào các tài khoản này với cú pháp ở trên
- Bước 3: KH vào màn hình tài sản để kiểm tra sự thay đổi số dư tương ứng.

3.1 Rút tiền:

Tính năng này hỗ trợ KH rút tiền ra các tài khoản ngân hàng đã đăng ký.

Nguồn	Đích	Số dư nguồn	Số tiền muốn chuyển	Nội dung chuyển	Trạng thái	Ngày tạo
N00014870	12010000001593		300,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	Bank error	21/09/2020
N00014870	M00001156		24,500,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156		50,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156		50,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156		10,000,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	18/09/2020
N00014870	12010000001593		2,000,000	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	Bank error	18/09/2020
N00014870	12010000001593		1,000,000	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	M00001156		556,190	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	07/09/2020
N00014870	12010000001593		3,000,000	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	12010000001593		2,000,000	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	12010000001593		5,000,000	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	9704060129837790		2,000,000	TK 00014866 - JMeter 316EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 9704060129837790	-	07/09/2020

- Bước 1: KH chọn tính năng “Rút tiền” (Khu vực 01)
- Bước 2: Popup “Rút tiền” hiển thị trên màn hình, KH xem và chọn các thông tin:
 - Chọn tiểu khoản (Khu vực 02)
 - Số dư tiền đang có (Khu vực 03)
 - Số tiền có thể rút (Khu vực 04)
 - Danh sách ngân hàng của KH (đã đăng ký) (Khu vực 06)
 - Thông tin tài khoản ngân hàng cụ thể, bao gồm: Tên chủ tài khoản, Số tài khoản, Tên ngân hàng (Khu vực 05)

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Số tiền KH muốn rút (Khu vực 07): KH nhập số tiền muốn rút (chưa bao gồm phí)
- Bước 3: KH click “Chấp nhận” để chấp nhận việc Rút tiền của mình
- Bước 4: Màn hình xác nhận giao dịch được hiển thị, KH chọn và điền các thông tin cần thiết
 - Các PTXT mà KH đã đăng ký (Khu vực 01)
 - Giá trị PTXT tương ứng (Khu vực 02)

Xác nhận rút tiền

RÚT TIỀN

Số tiền muốn rút

200,000

Nguồn rút

N00014870 Thưởng

TÀI KHOẢN NHẬN

Chủ tài khoản

jMeter 3I6EM4HPP69OCNK

Số tài khoản

12010000001593

Ngân hàng

BIDV

Chi nhánh

NH TMCP Đầu Tư và Phát triển Viet Nam

Xác thực rút tiền

01

SMART OTP MATRIX SMS

Quý khách hãy nhập mã số bảo mật từ ứng dụng SmartOTP để xác nhận giao dịch

Guide >

02

03

Hủy Chấp nhận

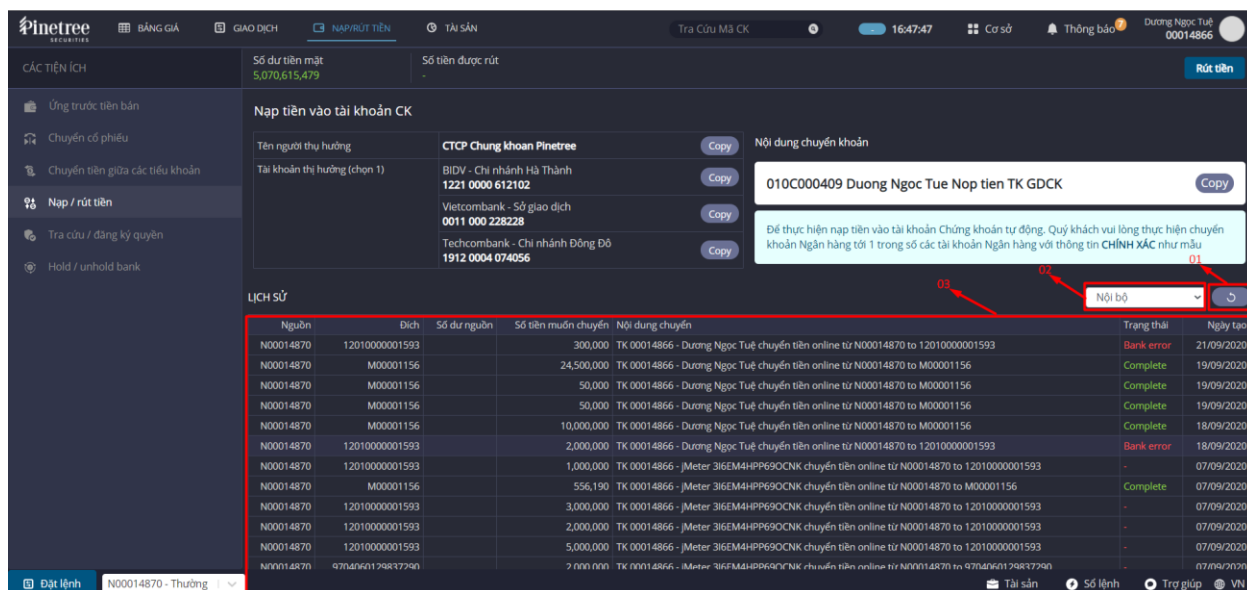
- Bước 5: KH click “Chấp nhận” để hoàn thành GD chuyển tiền

4.1 Lịch sử Rút tiền:

KH có thể tra cứu lịch sử chuyển tiền của mình tại màn hình như dưới đây:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Nút Refresh để tải lại dữ liệu lịch sử.
- Khu vực 02: Bộ lọc loại giao dịch (Nội bộ và Chuyển khoản).
- Khu vực 03: Bảng hiển thị các kết quả giao dịch chuyển khoản, bao gồm:
 - Nguồn: Tiểu khoản chuyển tiền ra
 - Đích: Tài khoản ngân hàng
 - Số tiền đã chuyển: Số tiền KH đã rút ra
 - Nội dung chuyển: Nội dung tự sinh từ hệ thống
 - Trạng thái:
 - ĐANG CHỜ: giao dịch của bạn đang chờ được gửi ra ngân hàng
 - THÀNH CÔNG: giao dịch của bạn đã được gửi tới ngân hàng thành công
 - TỪ CHỐI: giao dịch của bạn đã bị từ chối, vui lòng liên hệ CSKH để biết chi tiết hơn.

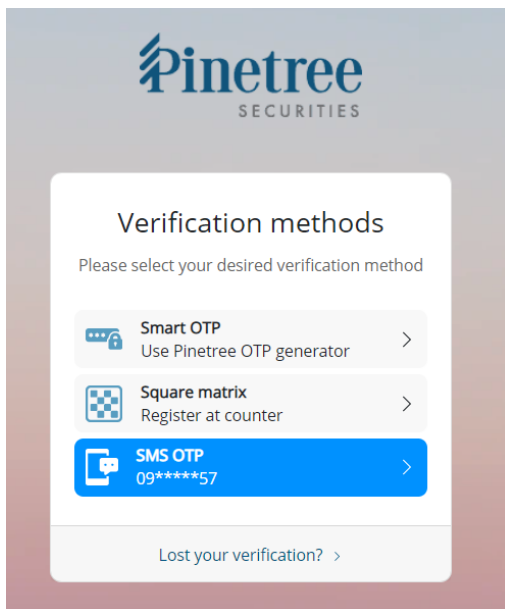
Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

4. Mua/Bán cổ phiếu và xem sổ lệnh

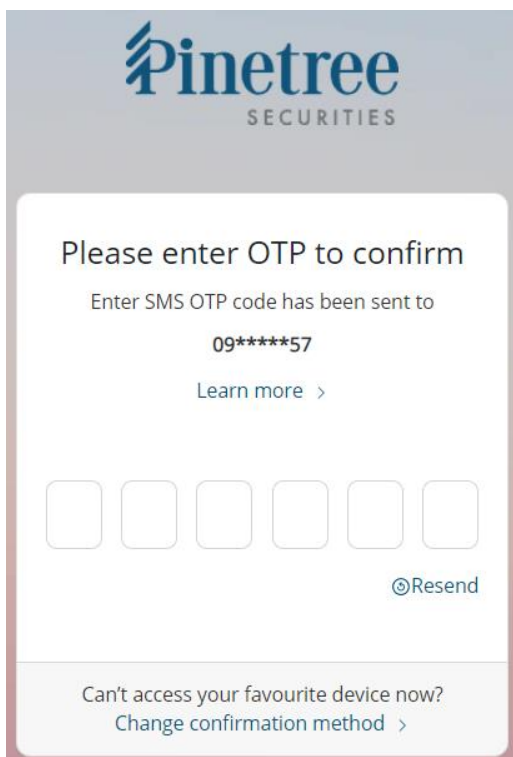
5.1 Xác thực 2 lớp:

Hệ thống Pinetree áp dụng quy trình “Xác thực session” (xác thực trên mỗi phiên giao dịch của KH) với nghiệp vụ Đặt lệnh.



Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



Hiện tại, hệ thống Pinetree hỗ trợ các phương thức xác thực:

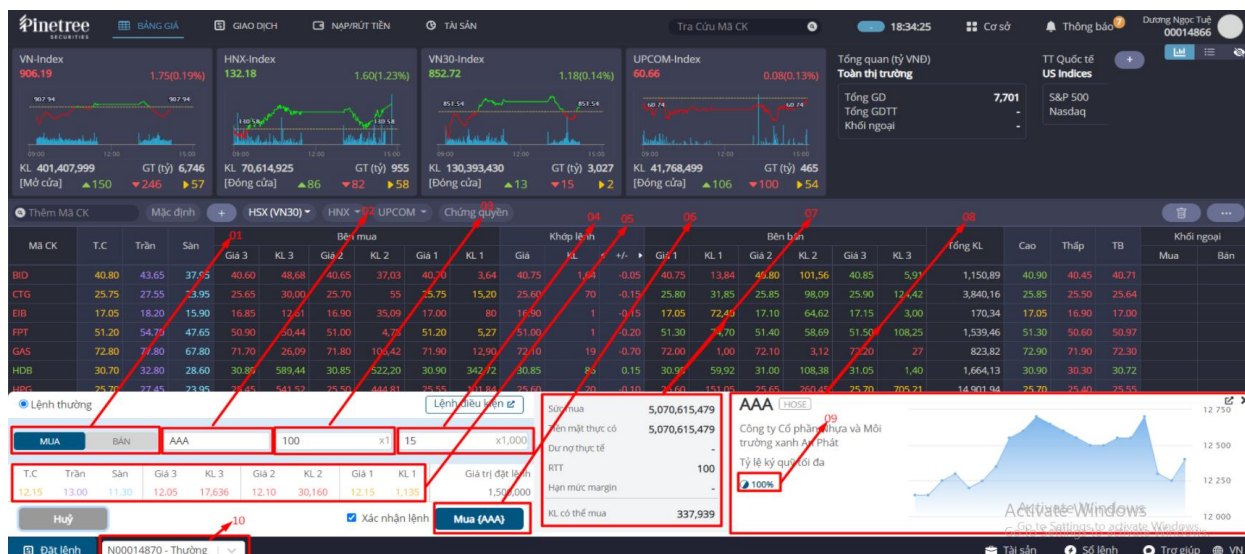
- SmartOTP: cài apps tại link: (user/pass giống account đăng nhập trên WTS)
 - AppStore: <https://apps.apple.com/vn/app/pinetree-smartotp/id1533032149>
 - Android link: <https://play.google.com/store/apps/details?id=com.smartotp>
- Square matrix: ma trận truyền thống: KH sẽ nhận được một ma trận chữ và số qua email và sử dụng để tra cứu 03 số nhập vào hệ thống
- smsOTP: mã OTP sẽ được gửi về số điện thoại của KH

6.1 Màn hình đặt lệnh:

Tính năng hỗ trợ KH đặt lệnh trên WTS:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Khu vực nơi KH chọn loại giao dịch: Mua/Bán
- Khu vực 02: Khu vực nơi KH chọn mã cổ phiếu
- Khu vực 03: Khu vực nơi KH nhập “KL giao dịch”
- Khu vực 04: Khu vực nơi KH nhập “Giá đặt”
- Khu vực 05: Khu vực hiển thị Giá TC, Trần, Sàn và 03 giá gần nhất
- Khu vực 06: Nút thực hiện giao dịch
- Khu vực 07: Layout thể hiện các thông tin nhanh về tài khoản, hỗ trợ việc GD của KH:
 - Sức mua: Sức mua của tiểu khoản tương ứng (Normal/Margin). Với trường hợp Quý khách đã chọn tiểu khoản Margin, thông tin Sức mua sẽ thay đổi tương ứng theo tiểu khoản Margin của quý khách.
 - Tiền mặt thực có: Lượng tiền khả dụng hiện tại của tiểu khoản tương ứng
 - Dự nợ thực tế: Tổng dự nợ trên tiểu khoản tương ứng (gồm cả gốc + lãi)
 - Rtt: Hệ số ký quỹ thực tế (tại thời điểm hiện tại)
 - Hạn mức margin: Hạn mức margin của tiểu khoản tương ứng (dùng cho tiểu khoản margin)
 - KL có thể mua: KL tối đa mà NĐT có thể giao dịch
- Khu vực 08: Khu vực thông tin nhanh về cổ phiếu, gồm:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Đồ thị giao dịch 1 tháng gần nhất
- Thông tin cơ bản của cổ phiếu: Mã, tên TCPH, ...
- Khu vực 09: Tỷ lệ ký quỹ của quý khách với cổ phiếu này.

7.1 Sổ lệnh:

The screenshot shows the Pinetree WTS interface. The top navigation bar includes 'BẢNG GIÁ', 'GIAO DỊCH', 'TIỆN ÍCH', and 'TÀI SẢN'. The 'GIAO DỊCH' tab is active. The left sidebar shows 'TÀI KHOẢN' with 'N00016497 - Thường' selected. The main area displays 'Lệnh thường: N00016497 - Thường' with a table of orders. The table has columns: SHL, SHL gốc, Thời gian, GD, Mã CK, Loại, Giá, KL, KL khớp, and Trạng thái. The table shows three orders: 52, 51, and 50. The order 50 is highlighted. To the right of the table is a summary table with columns: SHL, Thời gian, Giá khớp, KL khớp, Thành tiền, Phí GD, Thuế, and GT thực tế. The summary table shows the total order value and the total settlement amount. Red arrows point to specific areas: 01 points to the account name, 02 points to the order table, and 03 points to the summary table. Other arrows point to buttons like 'Hủy lệnh' (Cancel Order) and 'Sửa lệnh' (Edit Order).

- Khu vực 01: Danh sách tài khoản
- Khu vực 02: Danh sách lệnh đặt trong ngày
 - SHL: Số hiệu lệnh của lệnh đặt
 - SHL gốc: Số hiệu lệnh gốc của lệnh đặt (với TH là lệnh sửa)
 - Thời gian: thời gian đặt lệnh
 - GD: Loại GD Mua/Bán
 - Mã CK: Mã CK đặt lệnh
 - Loại lệnh: LO/ATO/ATC....
 - Giá đặt: Giá đặt lệnh
 - KL: KL gốc đặt lệnh
 - KL khớp: KL đã khớp
 - Trạng thái: Trạng thái lệnh đặt.

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

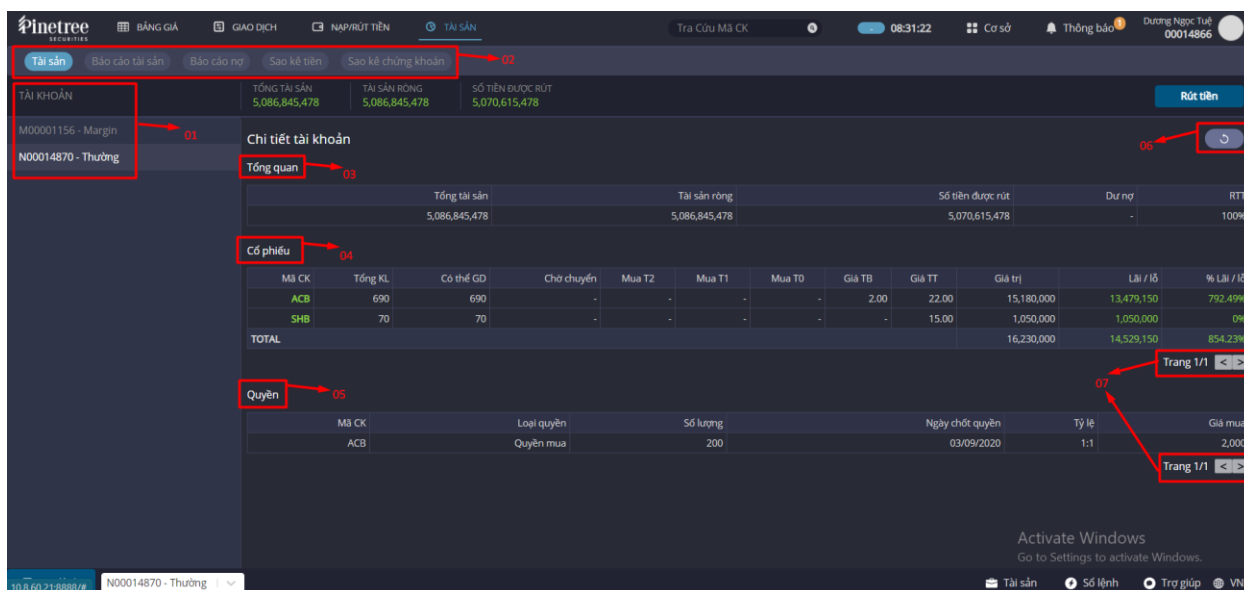
- Khu vực 03: Thông tin chi tiết các lần khớp
 - Thời gian: thời gian khớp lệnh
 - Giá khớp: Giá khớp lệnh
 - KL khớp: KL khớp lệnh
 - Thành tiền: Giá trị lệnh (= Giá khớp * KL khớp)
 - Phí: Phí của lệnh
 - Thuế: Thuế bán (chỉ có cho lệnh bán)
 - GT thực tế: Giá trị thực tế của lệnh (GTTT)
 - Lệnh mua: $GTTT = \text{Giá trị lệnh} + \text{Phí}$
 - Lệnh bán: $GTTT = \text{Giá trị lệnh} - \text{Thuế}$
 - Tổng giá trị: Tổng giá trị các lần khớp lệnh
- Khu vực 04: Nút Refresh
- Khu vực 05: Nút Huỷ Lệnh
- Khu vực 06: Nút Sửa lệnh

5. Xem tài sản

Tính năng hỗ trợ KH xem tài sản trên WTS:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Danh sách các tiểu khoản của quý khách.
- Khu vực 02: Các tab giúp KH phân loại thông tin:
 - Tài sản: Thông tin về Tiền, Danh mục CK và Quyền của KH
 - Báo cáo tài sản: Cung cấp Báo cáo tổng quan về tài sản theo 4 tiêu chí: Tiền mặt, CK, Nợ và Phí.
 - Công nợ Margin: Cung cấp cho quý khách tình hình công nợ và hỗ trợ Trả nợ trước hạn.
 - Sao kê tiền: Cho phép quý khách tìm kiếm lịch sử sao kê tiền theo từng tiểu khoản. Hiện thời, hệ thống cho phép truy xuất lịch sử 3 tháng gần nhất. Trong TH quý khách có nhu cầu truy xuất xa hơn, vui lòng liên hệ với bộ phận CSKH để được hỗ trợ.
 - Sao kê chứng khoán: Cho phép quý khách tìm kiếm lịch sử sao kê chứng khoán từng tiểu khoản. Hiện thời, hệ thống cho phép truy xuất lịch sử 3 tháng gần nhất. Trong TH quý khách có nhu cầu truy xuất xa hơn, vui lòng liên hệ với bộ phận CSKH để được hỗ trợ.
- Khu vực 03: Thông tin chung về Tiền mặt.
- Khu vực 04: Thông tin chung về Chứng Khoán.

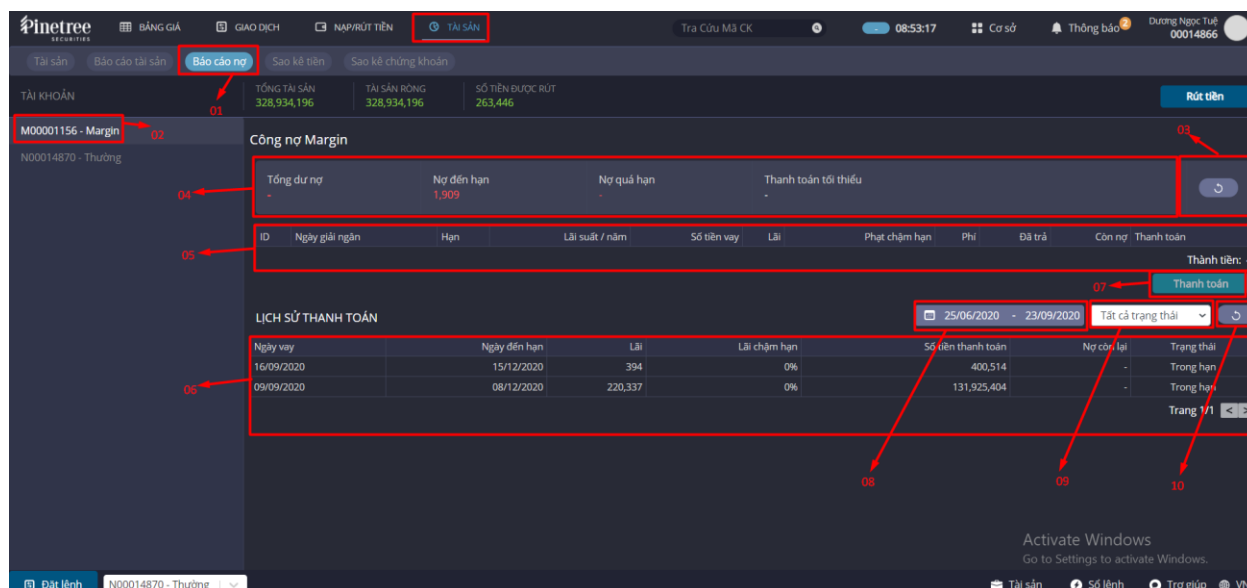
Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Khu vực 05: Thông tin chung về Quyền.
- Khu vực 06: Hiện tại, hệ thống WTS hỗ trợ quý khách tính theo giá trị thị trường của CK, Nút Refresh sẽ giúp quý khách cập nhật lại chính xác nhất giá trị TTS của mình.
- Khu vực 07: Các nút phân trang giúp quý khách xem các trang tiếp theo.

6. Theo dõi khoản nợ và trả nợ trước hạn

Tính năng xem các khoản vay và tiến hành trả nợ trước hạn.



- Khu vực 01: Menu “Công nợ Margin”
- Khu vực 02: Danh sách và tiểu khoản Margin của KH
- Khu vực 03: Nút Refresh lại thông tin
- Khu vực 04: Thông tin các khoản nợ Margin của KH:
 - Tổng dư nợ: Tổng số dư nợ của KH (gồm cả gốc và lãi)
- Khu vực 05: Hiện thị các khoản nợ của quý khách, bao gồm các thông tin:
 - ID: Mã khoản vay
 - Ngày giải ngân: Ngày hệ thống giải ngân tiền vay cho KH
 - Ngày đến hạn: Ngày đến hạn trả nợ của KH

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

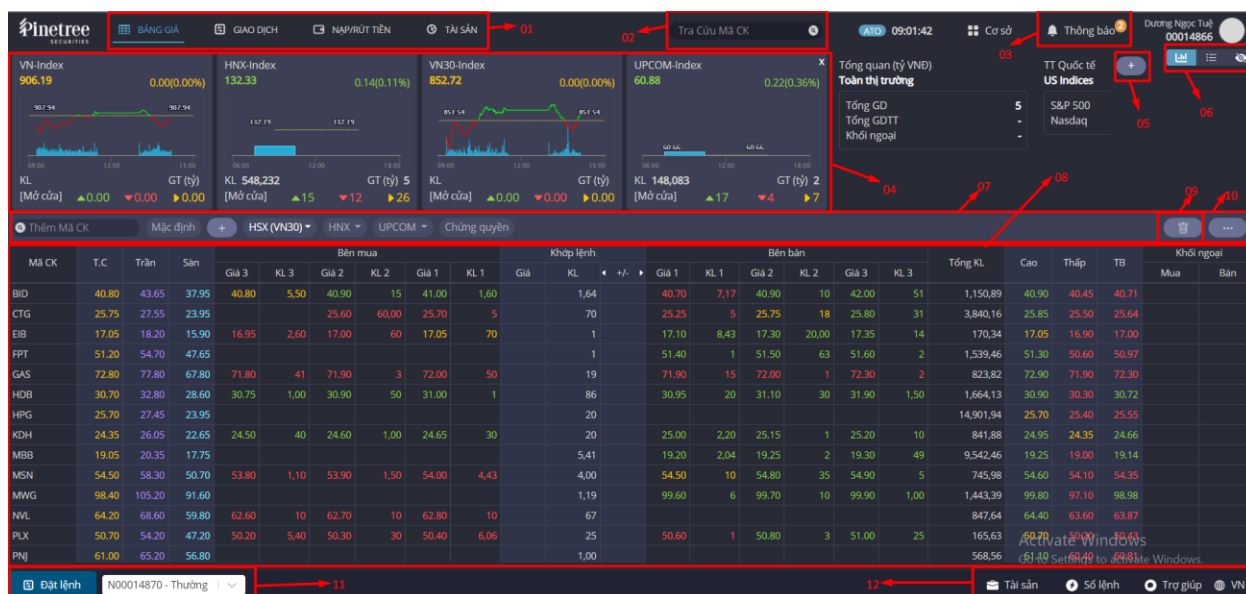
- Lãi suất/năm: Mức lãi suất tính theo năm (360 ngày)
- Số tiền vay: Số tiền phát vay
- Lãi: Số tiền lãi tính tới thời điểm hiện tại
- Phạt chậm trả: Số tiền phạt chậm trả (nếu có)
- Phí: Phí phạt chậm trả (nếu có)
- Số tiền đã trả: Số tiền mà KH đã trả
- Số tiền còn nợ: Tổng số tiền còn nợ (gốc + lãi)
- Thanh toán: Ô nhập liệu để KH nhập số tiền muốn trả trước hạn
- Khu vực 07: Nút thanh toán khoản vay (Quý khách cần xác thực trước khi thanh toán khoản vay)
- Khu vực 06: Lịch sử thanh toán khoản vay
 - Sẽ được update trong các version sau
- Khu vực 08: Hỗ trợ quý khách lọc thông tin theo thời gian (Từ ngày ... đến ngày)
- Khu vực 09: Hỗ trợ quý khách lọc thông tin theo trạng thái
- Khu vực 10: Nút Refresh lại thông tin

7. Các chức năng bảng giá

Xem bảng giá và các tiện ích trên bảng giá.

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Các menu lớn của hệ thống.
- Khu vực 02: Ô tìm kiếm, giúp KH xem nhanh thông tin một mã cổ phiếu nhất định.
- Khu vực 03: Bảng thông báo của hệ thống (Notification)
- Khu vực 04: Bảng 04 chỉ số Index lớn:
 - VN-Index: Chỉ số sàn HOSE
 - HNX-Index: Chỉ số sàn HNX
 - VN30-Index: Chỉ số VN30
 - Upcom-Index: Chỉ số sàn Upcom
- Khu vực 05: Trong TH quý khách xóa 1 trong 4 chỉ số trên, nút “Thêm chỉ số” sẽ giúp quý khách hiển thị lại các chỉ số trên
- Khu vực 06: Nhóm nút thu nhỏ bảng 4 chỉ số chính, gồm 3 mức:
 - Hiện thị đầy đủ
 - Hiện thị thu gọn
 - Ẩn đồ thị
- Khu vực 07: Danh sách Watchlist, bao gồm 2 loại danh sách:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

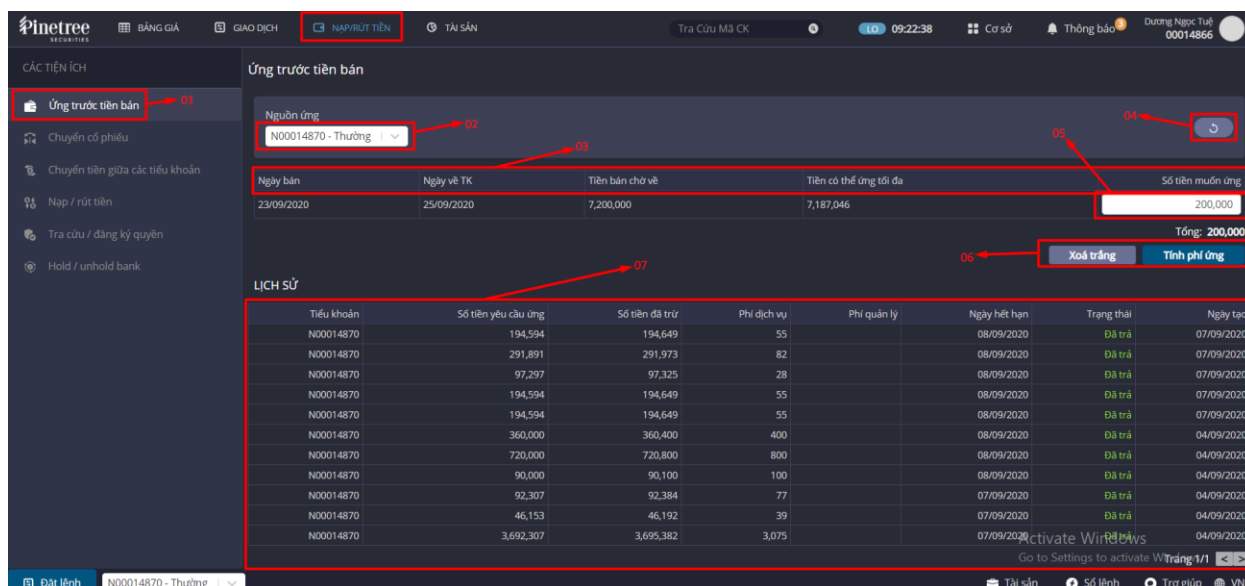
- Bên trái dấu (+): Các Watchlist mà KH tự tạo và thêm mã theo mục đích sử dụng của riêng quý khách
- Bên phải dấu (+): Một số Watchlist phổ thông mà Pinetree tạo sẵn cho quý khách.
- Khu vực 09: Nút xoá Watchlist: Để xoá 1 Watchlist, KH chọn vào Watchlist đó và click nút Xoá (biểu tượng). Hiện tại, quý khách chỉ có thể xoá những Watchlist do mình tạo ra.
- Khu vực 10: Nút đổi tên Watchlist: Để đổi tên 1 Watchlist, KH chọn vào Watchlist đó và click nút đổi tên (biểu tượng "..."). Quý khách chỉ xoá những Watchlist do mình tạo ra.
- Khu vực 11: Thanh "Đặt lệnh nhanh": luôn hiển thị trên mọi màn hình của KH.
- Khu vực 12: Xem nhanh:
 - Tài sản: Tài sản và danh mục CK hiện thời
 - Sổ lệnh: Các lệnh trong ngày
 - Trợ giúp: Liên hệ tới bộ phận CSKH của Pinetree
 - Ngôn ngữ: Đổi ngôn ngữ English (tiếng Anh) hoặc VN (tiếng Việt)

8. Ứng trước tiền bán

Tính năng ứng trước tiền bán (theo ngày)

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Ứng trước tiền bán
- Khu vực 02: Tiểu khoản KH muốn ứng trước tiền bán
- Khu vực 03: Bảng danh sách Tổng hợp số tiền bán có thể ứng của Quý khách theo ngày
 - Ngày bán: Ngày T-1 hoặc T-2
 - Ngày về tài khoản: Ngày dự kiến tiền về tài khoản KH
 - Tiền bán chờ về: Số tiền bán chờ về
 - Tiền có thể ứng tối đa: Số tiền tối đa KH có thể ứng (số tiền thực nhận)
 - Số tiền muốn ứng: Số tiền KH muốn ứng (số tiền thực nhận của KH)
- Khu vực 04: Nút thiết lập lại (refresh) thông tin
- Khu vực 05: Số tiền muốn ứng
- Khu vực 06: Các nút tương tác:
 - Xóa trắng: Xóa số tiền muốn ứng và nhập lại thông tin
 - Tính phí ứng: Dự kiến phí ứng cho KH. Hệ thống Pinetree đang mặc định tính phí ngoài cho giao dịch của quý khách. Số tiền quý khách nhập vào sẽ là Số tiền thực nhận trong tài khoản và phần phí sẽ tự động trừ vào tài khoản của quý khách.
- Khu vực 07: Lịch sử ứng tiền của KH, bao gồm các thông tin:

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Tiêu khoản: Tiêu khoản ứng tiền
- Số tiền yêu cầu ứng: Số tiền KH đã yêu cầu ứng
- Số tiền đã trừ: Số tiền đã trừ của KH
- Phí dịch vụ: Phí ứng tiền (nếu có)
- Phí quản lý: Phí quản lý (nếu có)
- Ngày hết hạn: Ngày hết hạn khoản tiền ứng
- Trạng thái: Các trạng thái ứng tiền:
 - Chưa hoàn ứng: KH đã ứng TC và chưa hoàn ứng.
 - Đã hoàn ứng: KH đã hoàn ứng khoản tiền ứng trước.
- Ngày tạo lệnh ứng: Ngày lệnh ứng của KH được tạo trên hệ thống

Ứng trước tiền bán

Yêu cầu ứng: N00014870 - Thường

Ngày bán	Ngày về TK	Có thể ứng tối đa	Phí	Được ứng
23/09/2020	25/09/2020	7,190,640	100	200,000

01 → Tổng phí 100 Tổng ứng 200,000

02 → Chấp nhận

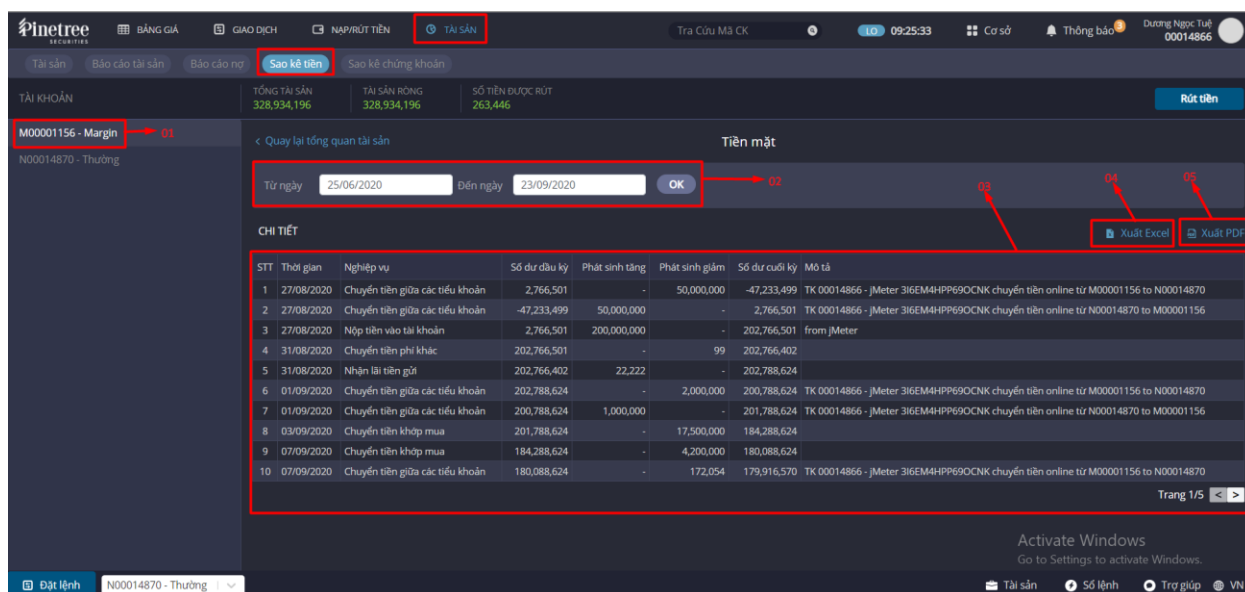
- Khu vực 01: Thông tin về phí ứng của KH
- Khu vực 02: Nút thao tác chấp nhận ứng tiền (KH sẽ cần xác thực trước khi ứng tiền)

9. Sao kê tiền

Tính năng xem sao kê tiền

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



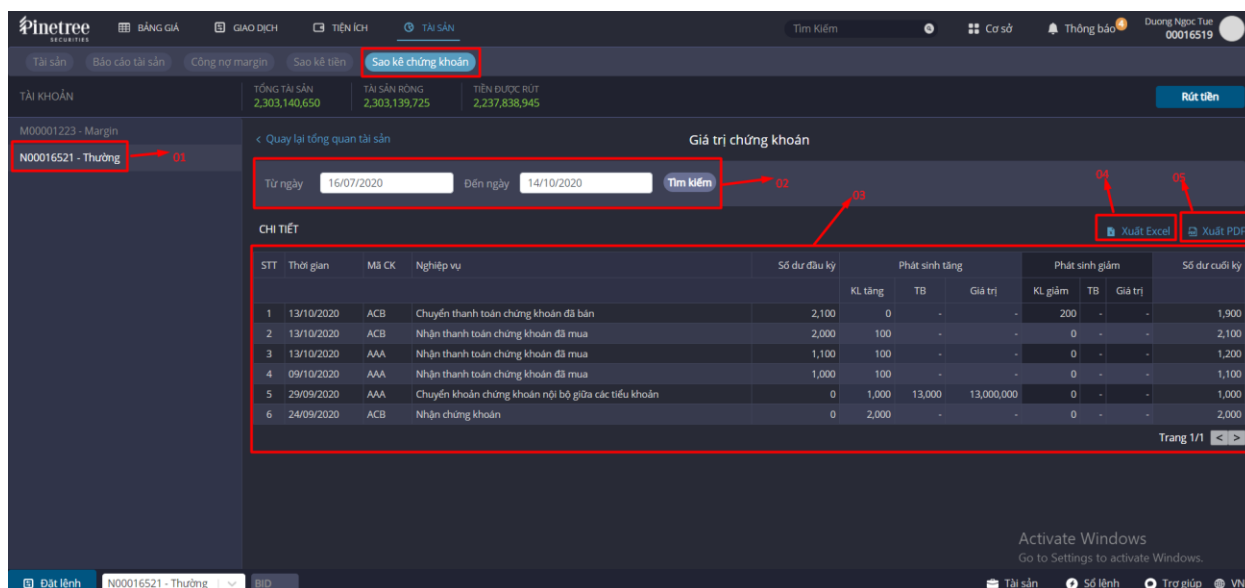
- Khu vực 01: Danh sách tiểu khoản của KH
- Khu vực 02: Bộ lọc theo ngày tháng
- Khu vực 03: Thông tin sao kê chi tiết, gồm các thông tin
 - STT: Số thứ tự các giao dịch.
 - Thời gian: Ngày tháng tạo giao dịch.
 - Số dư đầu kỳ: Số dư trước khi tạo giao dịch.
 - Phát sinh tăng: Phát sinh tăng trên tiểu khoản.
 - Phát sinh giảm: Phát sinh giảm trên tiểu khoản.
 - Số dư cuối kỳ: Số dư sau khi tạo giao dịch.
 - Mô tả: Ghi chú trong giao dịch.
- Khu vực 04: Xuất dữ liệu thành file excel
- Khu vực 05: Xuất dữ liệu thành file pdf

10. Sao kê chứng khoán

Tính năng xem sao kê chứng khoán

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: Danh sách tiểu khoản của KH
- Khu vực 02: Bộ lọc theo ngày tháng
- Khu vực 03: Thông tin sao kê chi tiết, gồm các thông tin
 - STT: Số thứ tự các giao dịch.
 - Thời gian: Ngày tháng tạo giao dịch.
 - Mã CK: Mã CK có giao dịch.
 - Nghiệp vụ: Loại nghiệp vụ giao dịch.
 - Số dư đầu kỳ: Số dư CK trước khi giao dịch.
 - Phát sinh tăng: Số lượng CK tăng do giao dịch
 - KL tăng: KL tăng thêm.
 - TB: Giá TB.
 - Giá trị: Tổng giá trị tăng.
 - Phát sinh giảm: Số lượng CK giảm do giao dịch
 - KL tăng: KL giảm thêm.
 - TB: Giá TB.
 - Giá trị: Tổng giá trị giảm.
 - Số dư cuối kỳ: Số lượng CK cuối kỳ.

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Khu vực 04: Xuất dữ liệu thành file excel.
- Khu vực 05: Xuất dữ liệu thành file pdf.

11. Sao kê sổ lệnh

Tính năng xem sao kê sổ lệnh

The screenshot displays the 'Sao kê sổ lệnh' (Order Book) feature in the Pinetree Securities application. The interface includes a sidebar for account management, a main header with navigation tabs, and a central area for viewing order details. Red annotations highlight key elements: 01 points to the account name 'N00014870 - Thường'; 02 points to the filter bar with date and order type options; 03 points to the 'Sao kê sổ lệnh' button; 04 points to the 'Xuất Excel' button; and 05 points to the 'Xuất PDF' button.

STT	Ngày GD	GD	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	KL hủy	Tổng GT khớp	Phi	Trạng thái	Loại lệnh	SHL	Kênh đặt
1	17/09/2020 14:54:16	MUA	AAA	100	13,000	-	-	100	-	390	Lệnh hết hiệu lực	LO	1584	Web
2	07/09/2020 14:44:51	MUA	VNM	200	285,000	-	-	200	-	11,400	Lệnh hết hiệu lực	LO	392	Web
3	07/09/2020 14:39:16	MUA	VND	200	20,000	-	-	200	-	1,200	Lệnh hết hiệu lực	LO	391	Web
4	07/09/2020 14:20:06	MUA	VND	1,000	20,000	-	-	1,000	-	4,000	Lệnh hết hiệu lực	LO	389	Web
5	04/09/2020 10:39:11	BÁN	SHB	100	6,000	-	-	100	-	180	Lệnh hết hiệu lực	LO	45	Tại sản
6	04/09/2020 10:31:34	BÁN	ACB	200	25,000	200	25,000	-	5,000,000	1,500	Đã khớp	LO	43	Tại sản
7	10/09/2020 09:00:45	MUA	ACB	200	19,000	-	-	200	-	1,140	Lệnh hết hiệu lực	LO	4	Web
8	08/09/2020 09:24:22	MUA	AAA	100	15,000	-	-	100	-	450	Đã hủy	LO	4	Web
9	23/09/2020 09:20:48	BÁN	ACB	300	24,000	300	24,000	-	7,200,000	2,160	Đã khớp	LO	2	Web
10	23/09/2020 09:16:19	MUA	ACB	200	25,000	200	25,000	-	5,000,000	1,500	Đã khớp	LO	1	Web

- Khu vực 01: Danh sách tiểu khoản của KH
- Khu vực 02: Bộ lọc theo ngày tháng
- Khu vực 03: Thông tin sao kê chi tiết, gồm các thông tin
 - STT: Số thứ tự các giao dịch.
 - Ngày giao dịch: Ngày thực hiện giao dịch.
 - Loại GD: Mua/Bán
 - Mã CK: Mã CK giao dịch.
 - KL đặt: KL đã đặt lệnh.
 - Giá đặt: Giá đặt lệnh.
 - KL khớp: KL khớp lệnh.
 - Giá khớp: Giá khớp lệnh.
 - KL hủy: KL đã hủy.

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Tổng GT khớp: Tổng giá trị tiền đã khớp.
 - Trạng thái: Trạng thái của giao dịch
 - Loại lệnh: LO/ATO/ATC, ...
 - SHL: Số hiệu lệnh tương ứng.
 - SHL gốc: Số hiệu lệnh gốc.
 - Kênh đặt: Kênh đặt lệnh.
- Khu vực 04: Xuất dữ liệu thành file excel
 - Khu vực 05: Xuất dữ liệu thành file pdf

12. Chuyển tiền giữa các tiểu khoản

Tính năng chuyển tiền giữa các tiểu khoản

The screenshot displays the Pinetree WTS interface for the 'Chuyển tiền giữa các tiểu khoản' (Transfer between sub-accounts) feature. The interface includes a sidebar with navigation options, a main form for entering transfer details, and a table of transaction history. Red arrows and numbers 01 through 08 highlight specific areas:

- 01: 'Chuyển tiền giữa các tiểu khoản' menu item in the sidebar.
- 02: 'Nguồn' (Source) dropdown menu.
- 03: 'Đích' (Destination) dropdown menu.
- 04: 'Số tiền chuyển' (Transfer amount) input field.
- 05: 'Chuyển sang' (Transfer to) button.
- 06: 'Hold / unhold bank' option.
- 07: Date range selector (25/06/2020 - 23/09/2020).
- 08: Transaction history table.

Nguồn	Đích	Số tiền chuyển	Phi	Nội dung chuyển	Trạng thái	Ngày tạo
N00014870	12010000001593	300,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	Bank error	21/09/2020
N00014870	M00001156	24,500,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156	50,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156	50,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	19/09/2020
N00014870	M00001156	10,000,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	18/09/2020
N00014870	12010000001593	2,000,000	0	TK 00014866 - Dương Ngọc Tuệ chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	Bank error	18/09/2020
N00014870	12010000001593	1,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	M00001156	556,190	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	07/09/2020
N00014870	12010000001593	3,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	12010000001593	2,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	12010000001593	5,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 12010000001593	-	07/09/2020
N00014870	9704060129837290	2,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 9704060129837290	-	07/09/2020
N00014870	9704060129837290	2,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 9704060129837290	-	07/09/2020
N00014870	M00001156	1,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to M00001156	Complete	01/09/2020
N00014870	9704060129837290	2,000,000	0	TK 00014866 - jMeter 3i6EM4HP69OCNK chuyển tiền online từ N00014870 to 9704060129837290	-	27/08/2020

- Khu vực 01: “Chuyển tiền giữa các tiểu khoản”
- Khu vực 02: Tiểu khoản Nguồn
- Khu vực 03: Tiểu khoản Đích
- Khu vực 04: Số tiền chuyển của KH
- Khu vực 05: Nút thao tác “Chuyển tiền”

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Khu vực 06: Nội dung chuyển khoản của KH
- Khu vực 07: Bộ lọc ngày tháng và nút thiết lập lại (Refresh)
- Khu vực 08: Bảng lịch sử chuyển tiền:
 - Nguồn: Tiểu khoản nguồn chuyển tiền
 - Đích: Tiểu khoản đích nhận tiền
 - Số tiền chuyển: Số tiền giao dịch
 - Phí giao dịch: Mặc định hệ thống tính phí ngoài → hầu hết phí = 0
 - Nội dung chuyển: Nội dung chuyển tiền của KH
 - Trạng thái lệnh chuyển tiền
 - Ngày tạo lệnh

13. Chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản

Tính năng chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản

The screenshot shows the 'Chuyển cổ phiếu' (Transfer Shares) screen in the Pinetree WTS application. The interface is divided into several sections:

- Navigation Sidebar (Left):** Contains options like 'Ứng trước tiền bán', 'Chuyển tiền giữa các tiểu khoản', 'Nạp / rút tiền', 'Tra cứu / đăng ký quyền', and 'Hold / unhold bank'.
- Transfer Form (Main):**
 - Source (Nguồn):** Dropdown menu showing 'N00014870 - Thường' (01).
 - Transfer Code (Mã CP năm giữ 2):** Input field with '390' (02).
 - Transfer Amount (KL năm giữ 460):** Input field with '390' (03).
 - Destination (Đích):** Dropdown menu showing 'M00001156 - Margin' (04).
 - Transfer Code (Mã CP năm giữ 4):** Input field with '390' (05).
 - Transfer Amount (KL năm giữ 16,840):** Input field with '390' (06).
 - Buttons:** 'Hủy' (Cancel) and 'Chuyển' (Transfer) buttons (07, 08).
- Transaction History Table (LỊCH SỬ):**
 - Filters:** Date range '25/06/2020 - 23/09/2020' (09) and a refresh button (10).
 - Table Columns:** Nguồn (Source), Đích (Destination), Mã CK (Security Code), KL chuyển (Transfer Amount), Mô tả (Description), Trạng thái (Status), and Ngày tạo (Creation Date).
 - Table Data:**

Nguồn	Đích	Mã CK	KL chuyển	Mô tả	Trạng thái	Ngày tạo
N00014870	M00001156	SHB	30	Chuyển sang M00001156	Thành công	09/09/2020
N00014870	M00001156	ACB	20	Chuyển sang M00001156	Thành công	09/09/2020
N00014870	M00001156	SHB	10	Chuyển sang M00001156	Thành công	07/09/2020
N00014870	M00001156	ACB	100	Chuyển sang M00001156	Thành công	07/09/2020
N00014870	M00001156	ACB	10	Chuyển sang M00001156	Thành công	01/09/2020
N00014870	M00001156	ACB	50	Chuyển sang M00001156	Thành công	27/08/2020
 - Page Info:** 'Trang 1/1' (Page 1/1) (11).

-
- Khu vực 01: Menu “Chuyển cổ phiếu”
- Khu vực 02: Tiểu khoản Nguồn

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

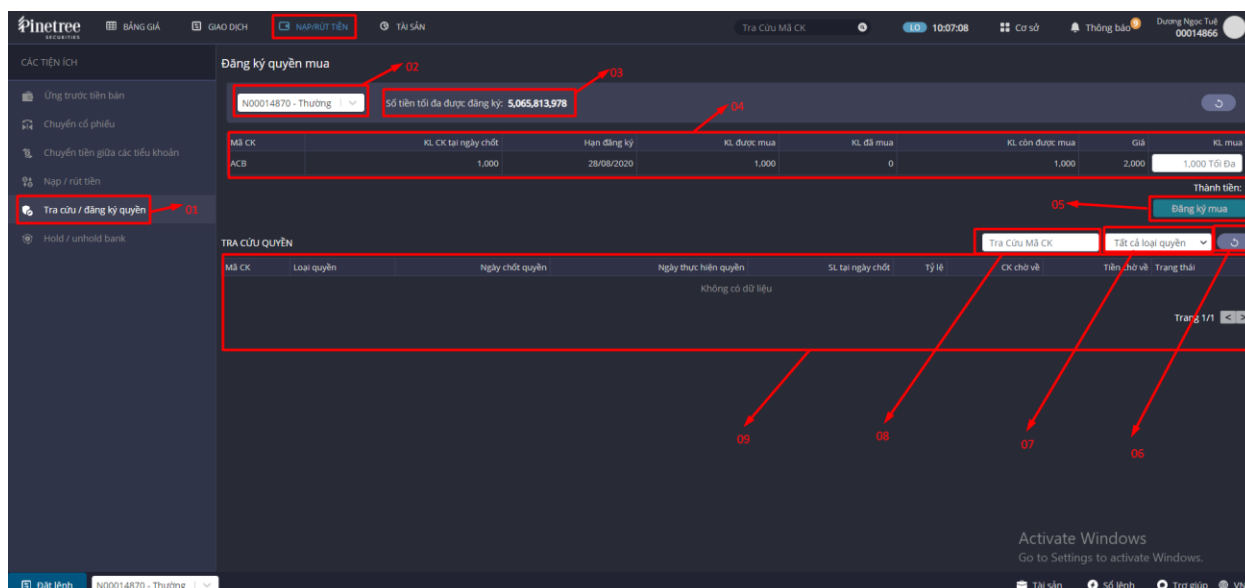
- Khu vực 03: Số lượng mã đang nắm giữ và Tổng KL nắm giữ (của tiểu khoản Nguồn)
- Khu vực 04: Tiểu khoản Đích
- Khu vực 05: Số lượng mã đang nắm giữ và Tổng KL nắm giữ (của tiểu khoản Đích)
- Khu vực 06: Bảng danh sách CK (tiểu khoản nguồn):
 - Mã CP: Mã chứng khoán
 - KL nắm giữ: Khối lượng của riêng mã CK đó
 - KL chuyển: Số lượng CK muốn chuyển đi
 - Thao tác:
- Khu vực 07: Nút Huỷ → KH xoá hết thông tin chuyển và chuyển lại từ đầu.
- Khu vực 08: Nút thao tác “Chuyển”
- Khu vực 09: Bảng danh sách CK (tiểu khoản đích):
 - Mã CP: Mã chứng khoán
 - KL nắm giữ: Khối lượng của riêng mã CK đó
- Khu vực 10: Bộ lọc ngày tháng và nút Refresh
- Khu vực 11: Bảng lịch sử chuyển tiền:
 - Nguồn: Tiểu khoản nguồn chuyển tiền
 - Đích: Tiểu khoản đích nhận tiền
 - Số tiền chuyển: Số tiền giao dịch
 - Phí GD: Mặc định hệ thống tính phí ngoài → hầu hết phí = 0
 - Nội dung chuyển: Nội dung chuyển tiền của KH
 - Trạng thái lệnh chuyển tiền
 - Ngày tạo lệnh

14. Quyền và đăng ký quyền mua

Tính năng xem quyền mua và đăng ký quyền mua

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



- Khu vực 01: “Tra cứu đăng ký quyền”
- Khu vực 02: Tiểu khoản muốn xem quyền
- Khu vực 03: Số tiền tối đa KH có thể dùng để mua quyền
- Khu vực 04: Thông tin quyền đang còn hiệu lực của KH
 - Mã CK: Mã CK
 - KL CK tại ngày chốt: KL mà KH được phép mua thêm.
 - Hạn đăng ký: Ngày đăng ký cuối cùng của KH
 - KL được mua: KL KH được mua
 - KL đã mua: KL mà KH đã mua
 - KL còn được mua: KL KH còn được mua
 - Giá: Giá mua quyền của KH
 - KL đăng ký mua: KL mà KH đăng ký mua
- Khu vực 05: Nút “Đăng ký mua”. KH sẽ cần xác thực trước khi Đăng ký mua
- Khu vực 06: Nút Thiết lập lại (Refresh)
- Khu vực 07: Bộ lọc thông tin
- Khu vực 09: Bảng hiển thị các loại quyền

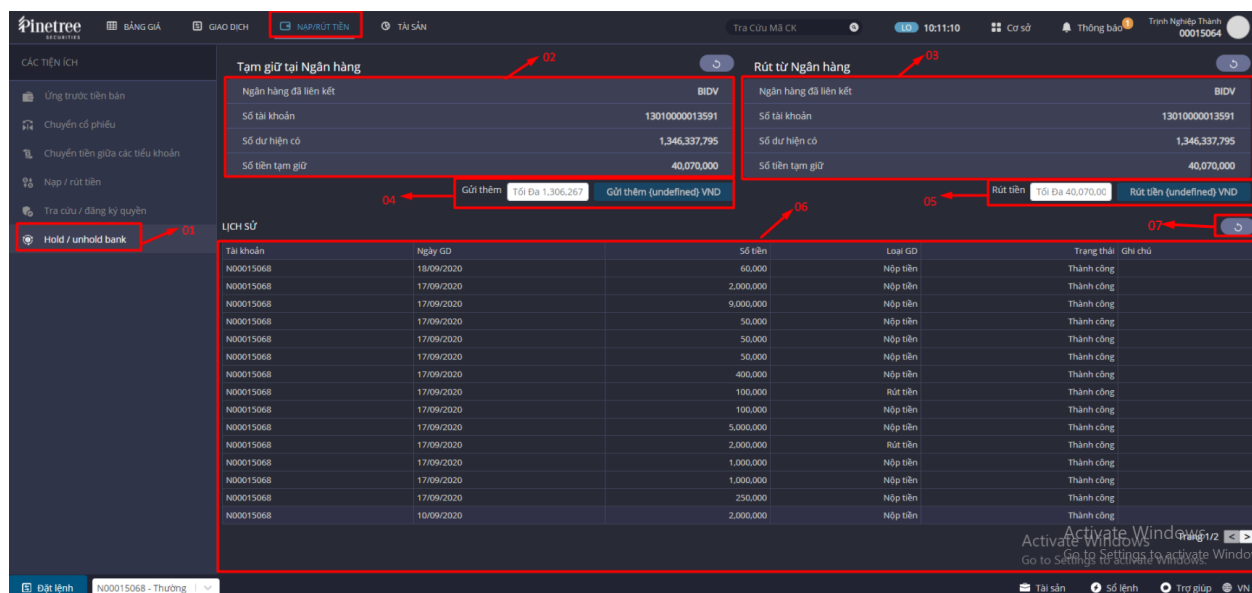
Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Mã CK: mã chứng khoán
- Loại quyền: Quyền tiền/quyền chứng khoán,...
- Ngày chốt quyền: Ngày chốt theo thông báo của TCPH (Tổ Chức Phát Hành)
- Ngày thực hiện quyền: Ngày quyền được thực hiện
- Số lượng tại ngày chốt: Số lượng chứng khoán mà KH sở hữu tại ngày chốt
- Tỷ lệ: Tỷ lệ quyền của KH
- CK chờ về: Khối lượng CK chờ về (theo quyền CK)
- Tiền chờ về: Tiền chờ về (theo quyền Tiền)
- Trạng thái: Trạng thái của các loại quyền

15. Giữ thêm tiền và giải toả tiền (riêng cho trường hợp kết nối Corebank)

Tính năng giữ thêm tiền hoặc giải toả tiền từ tài khoản bank (chỉ dùng cho tài khoản có kết nối với Corebank)



- Khu vực 01: Menu “Giữ thêm tiền” hoặc “Giải toả tiền”
- Khu vực 02: Thông tin Giữ thêm tiền từ tài khoản liên kết bank:
 - Ngân hàng đã liên kết: Tên ngân hàng đã liên kết với tài khoản KH

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Số tài khoản: Số tài khoản liên kết
- Số dư hiện có: Số dư tiền hiện có trên tài khoản ngân hàng
- Số tiền tạm giữ: Số tiền KH đang tạm giữ
- Khu vực 03: Thông tin Giải toả tiền từ tài khoản liên kết bank:
 - Ngân hàng đã liên kết: Tên ngân hàng đã liên kết với tài khoản KH
 - Số tài khoản: Số tài khoản liên kết
 - Số dư hiện có: Số dư tiền hiện có trên tài khoản ngân hàng
 - Số tiền tạm giữ: Số tiền KH đang tạm giữ
- Khu vực 04: KH nhập số tiền muốn giữ thêm
- Khu vực 05: KH nhập số tiền muốn giải toả
- Khu vực 06: Bảng lịch sử Giữ thêm/Giải toả tiền
 - Tài khoản: Số tiểu khoản KH
 - Ngày GD: Ngày tiến hành giao dịch
 - Số tiền: Số tiền giao dịch
 - Loại GD: Giữ thêm/Giải toả
 - Trạng thái: Trạng thái giao dịch
 - Ghi chú
- Khu vực 07: Nút Thiết lập lại (Refresh) thông tin

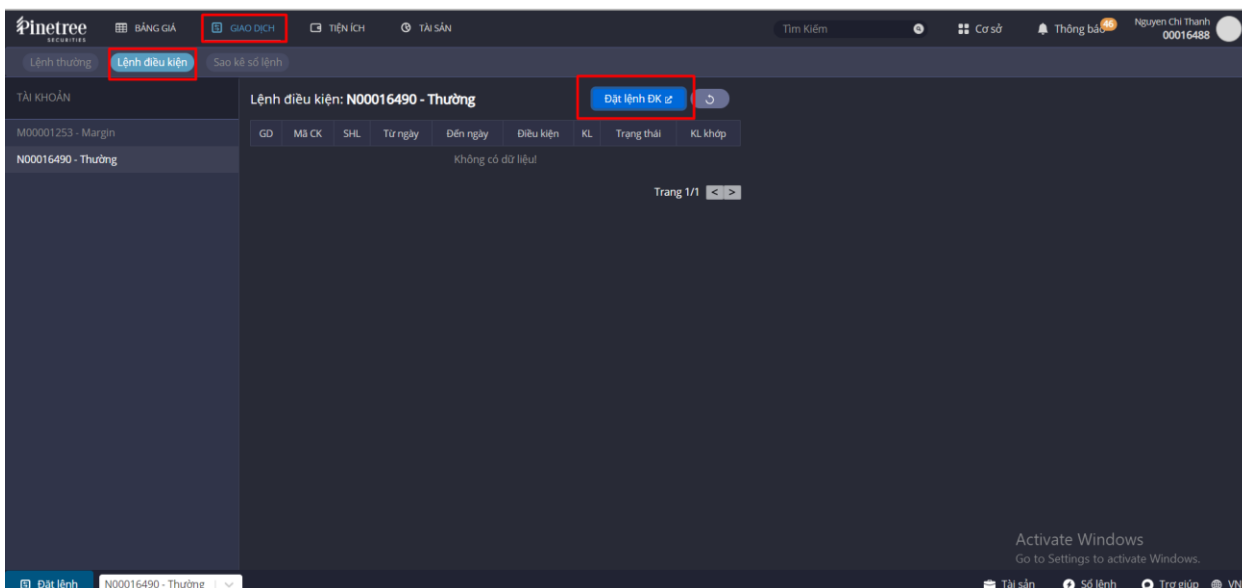
16. Lệnh điều kiện:

8.1 Truy cập menu Lệnh điều kiện:

KH truy cập menu “Giao dịch” → “Lệnh điều kiện” → “Đặt lệnh ĐK” → Hệ thống hiển thị popup “Đặt lệnh ĐK”

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT



9.1 Lệnh đặt trước ngày (GTC - Good till cancel order):

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Khu vực 01: Tiêu khoản tạo lệnh ĐK
- Khu vực 02: Sức mua tương ứng
- Khu vực 03: Thời gian hiệu lực của lệnh
- Khu vực 04: Điều kiện khớp lệnh
- Khu vực 05: Loại lệnh Mua/Bán
- Khu vực 06: Mã CK đặt lệnh
- Khu vực 07: Khối lượng đặt lệnh
- Khu vực 08: Giá lấy điều kiện
- Khu vực 09: Điều kiện >, < và Giá đặt lệnh
- Khu vực 10: Giá tham khảo: “Trần, Sàn, TC”
- Khu vực 11: Nút “Đặt lệnh”

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

10.1 Lệnh xu hướng (Trendy order)

The screenshot shows the 'Đặt lệnh điều kiện' (Set Conditional Order) window. At the top, there are tabs: 'LỆNH TRƯỚC NGÀY', 'LỆNH XU HƯỚNG' (highlighted with a red box), 'LỆNH CHỐT LỜI', 'LỆNH CẮT LỖ', and 'LỆNH TRANH MUA / BÁN'. Below the tabs, the form is divided into several sections:

- 01:** Order symbol: 'N00016490 - Thường'.
- 02:** Order quantity: 'Sức mua 296,398,920'.
- 03:** Validity period: 'Thời gian hiệu lực' with dates '15/10/2020' and '22/10/2020'.
- 04:** Execution condition: 'Điều kiện đặt lệnh' with a dropdown menu set to 'Một lần khớp duy nhất'.
- 05:** Order type: 'MUA' (Buy) and 'BÁN' (Sell) buttons.
- 06:** Order type selection: 'Mã CK' (Market) and 'KL' (Limit) with a quantity of 'x1'.
- 07:** Price definition method: 'Phương thức xác định xu hướng' with a dropdown menu set to 'Trần: T.C: Sàn:'.
- 08:** Price definition method: 'Khoảng dừng theo giá trị' (selected) and 'Khoảng dừng theo %'.
- 09:** Price selection: 'Giá Chênh Lệch TP' (Trending Price) and 'Giá Mua Thấp Nhất' (Minimum Buy Price) with a quantity of 'x1000'.
- 10:** Action buttons: 'Huỷ' (Cancel) and 'Đặt lệnh Mua' (Place Buy Order).

- Khu vực 01: Tiểu khoản tạo lệnh ĐK
- Khu vực 02: Sức mua tương ứng
- Khu vực 03: Thời gian hiệu lực của lệnh
- Khu vực 04: Điều kiện khớp lệnh
- Khu vực 05: Loại lệnh Mua/Bán
- Khu vực 06: Mã CK đặt lệnh và KL đặt lệnh
- Khu vực 07: Giá tham khảo: “Trần, Sàn, TC”
- Khu vực 08: Khoảng dừng theo giá trị
- Khu vực 09: Giá chênh lệch (Trending Price)
- Khu vực 09: Giá mua thấp nhất
- Khu vực 10: Nút “Đặt lệnh”

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

11.1 Lệnh chốt lời (TPO – Take Profit Order)

The screenshot shows the 'Đặt lệnh điều kiện' (Set conditional order) form in the WTS trading interface. The form is titled 'Đặt lệnh điều kiện' and has a close button (X) in the top right corner. The form is divided into several sections, each with a red box and a number indicating a specific area of interest:

- 01:** Account selection dropdown menu showing 'N00016490 - Thường'.
- 02:** Order type dropdown menu showing 'Sức mua' with a value of '296,398,920'.
- 03:** Validity period fields showing '15/10/2020' and '22/10/2020'.
- 04:** Order condition dropdown menu showing 'Một lần khớp duy nhất'.
- 05:** Order type buttons 'MUA' and 'BÁN'.
- 06:** Order details fields including 'Trên: T.C: Sàn:', 'Giá mua Bình quân', 'KL' (x1), and 'Giá' (x1).
- 07:** Order activation condition fields including 'Chênh lệch so với giá BQ' (x1) and 'Giá trị chênh lệch' (x1).
- 08:** Order activation summary fields including 'Kích hoạt khi giá thị trường ≥' (x1) and 'Giá' (x1).
- 11:** The 'Đặt lệnh Bán' (Set Sell Order) button.

- Khu vực 01: Tiểu khoản tạo lệnh ĐK
- Khu vực 02: Sức mua tương ứng
- Khu vực 03: Thời gian hiệu lực của lệnh
- Khu vực 04: Điều kiện khớp lệnh
- Khu vực 05: Loại lệnh Mua/Bán
- Khu vực 06: Thông tin đặt lệnh
 - Mã CK: Mã CK
 - KL: KL đặt lệnh
 - Giá: Giá đặt lệnh
- Khu vực 07: Giá tham khảo: “Trên, Sàn, TC”

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Khu vực 08: Chênh lệch so với giá bình quân
- Khu vực 09: Giá trị chênh lệch
- Khu vực 10: Thông tin xem trước về điều kiện kích hoạt.
- Khu vực 11: Nút “Đặt lệnh”

12.1 Lệnh cắt lỗ (STO - Stop Loss Order)

The screenshot shows the 'Đặt lệnh điều kiện' (Set Conditional Order) interface. At the top, there are tabs for 'LỆNH TRƯỚC NGÀY', 'LỆNH XU HƯỚNG', 'LỆNH CHỐT LỜI', 'LỆNH CẮT LỖ' (highlighted), and 'LỆNH TRANH MUA / BÁN'. Below the tabs, the form is divided into several sections:

- 01:** Account selection dropdown showing 'N00016490 - Thường'.
- 02:** 'Sức mua' (Buy Power) field showing '296,398,920'.
- 03:** 'Thời gian hiệu lực' (Validity Period) section with start and end dates: '15/10/2020' and '22/10/2020'.
- 04:** 'Điều kiện đặt lệnh' (Order Condition) dropdown set to 'Một lần khớp duy nhất' (One-time match only).
- 05:** Order type buttons 'MUA' (Buy) and 'BÁN' (Sell), with 'BÁN' selected. Below them are fields for 'Trần:' (Stop), 'T.C:' (Limit), and 'Sàn:' (Exchange).
- 06:** 'Thông tin đặt lệnh' (Order Information) section with a dropdown for 'KL' (Quantity) set to 'x1'.
- 07:** 'Giá mua Bình quân' (Average Buy Price) field.
- 08:** 'Chênh lệch so với giá BQ' (Deviation from average price) dropdown set to 'x1'.
- 09:** 'Giá trị chênh lệch' (Deviation value) field.
- 10:** 'Điều kiện kích hoạt' (Activation Condition) section with a dropdown set to 'Kích hoạt khi giá thị trường ≤' (Activate when market price ≤) and a value of '0'.

At the bottom, there are two buttons: 'Huỷ' (Cancel) and 'Đặt lệnh Bán' (Place Sell Order).

- Khu vực 01: Tiểu khoản tạo lệnh ĐK
- Khu vực 02: Sức mua tương ứng
- Khu vực 03: Thời gian hiệu lực của lệnh
- Khu vực 04: Điều kiện khớp lệnh
- Khu vực 05: Loại lệnh Mua/Bán và 3 giá tham chiếu (Trần, Sàn, Tham chiếu)
- Khu vực 06: Thông tin đặt lệnh

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- Mã CK: Mã CK
- KL: KL đặt lệnh
- Giá: Giá đặt lệnh
- Khu vực 07: Chênh lệch so với giá bình quân
- Khu vực 08: Giá trị chênh lệch
- Khu vực 09: Thông tin xem trước về điều kiện kích hoạt.
- Khu vực 10: Nút “Đặt lệnh”

13.1 Lệnh tranh mua tranh bán (PCO - Pro Competitive Order)

The screenshot shows the 'Đặt lệnh điều kiện' (Place Conditional Order) form. At the top, there are tabs: 'LỆNH TRƯỚC NGÀY', 'LỆNH XU HƯỚNG', 'LỆNH CHỐT LỜI', 'LỆNH CẮT LỖ', and 'LỆNH TRANH MUA / BÁN' (highlighted with a red box). Below the tabs, the form contains several fields and buttons:

- 01:** A dropdown menu showing 'N00016490 - Thường'.
- 02:** A text field labeled 'Sức mua' with the value '296,398,920'.
- 03:** Two date fields for 'Thời gian hiệu lực' (Validity period), showing '15/10/2020' and '22/10/2020'.
- 04:** A dropdown menu for 'Điều kiện đặt lệnh' (Order condition) showing 'Một lần khớp duy nhất'.
- 05:** Two buttons, 'MUA' (Buy) and 'BÁN' (Sell), with 'MUA' highlighted by a red box.
- 06:** Two text fields for 'Thông tin đặt lệnh' (Order information), showing 'AAA' and 'KL' with a multiplier 'x1'.
- 07:** A button labeled 'Đặt lệnh Mua' (Place Buy Order) highlighted by a red box.
- Other elements include a 'Hủy' (Cancel) button and a 'Hướng dẫn' (Help) icon.

- Khu vực 01: Tiểu khoản tạo lệnh ĐK
- Khu vực 02: Sức mua tương ứng
- Khu vực 03: Thời gian hiệu lực của lệnh
- Khu vực 04: Điều kiện khớp lệnh
- Khu vực 05: Loại lệnh Mua/Bán
- Khu vực 06: Thông tin đặt lệnh

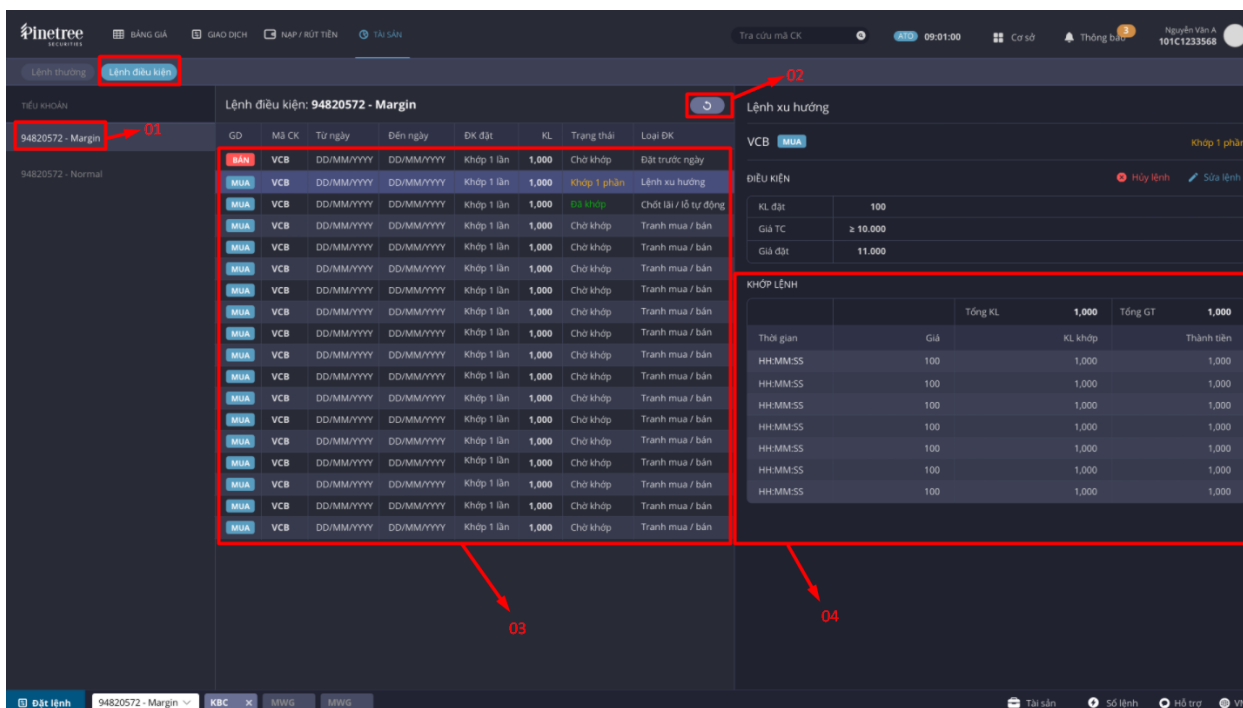
○ Mã CK: Mã CK

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- KL: KL đặt lệnh

14.1 Sổ lệnh điều kiện



- Khu vực 01: Danh sách tài khoản
- Khu vực 02: Danh sách lệnh đặt trong ngày
 - SHL: Số hiệu lệnh của lệnh đặt
 - SHL gốc: Số hiệu lệnh gốc của lệnh đặt (với TH là lệnh sửa)
 - Thời gian: thời gian đặt lệnh
 - GD: Loại GD Mua/Bán
 - Mã CK: Mã CK đặt lệnh
 - Loại lệnh: LO/ATO/ATC....
 - Giá đặt: Giá đặt lệnh
 - KL: KL gốc đặt lệnh

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.

WTS USER GUIDE DOCUMENT

- KL khớp: KL đã khớp
- Trạng thái: Trạng thái lệnh đặt.
- Khu vực 03: Thông tin chi tiết các lần khớp
 - Thời gian: thời gian khớp lệnh
 - Giá khớp: Giá khớp lệnh
 - KL khớp: KL khớp lệnh
 - Thành tiền: Giá trị lệnh ($= \text{Giá khớp} * \text{KL khớp}$)
 - Phí: Phí của lệnh
 - Thuế: Thuế bán (chỉ có cho lệnh bán)
 - GT thực tế: Giá trị thực tế của lệnh (GTTT)
 - Lệnh mua: $GTTT = \text{Giá trị lệnh} + \text{Phí}$
 - Lệnh bán: $GTTT = \text{Giá trị lệnh} - \text{Thuế}$
 - Tổng giá trị: Tổng giá trị các lần khớp lệnh
- Khu vực 04: Nút Thiết lập lại (Refresh)
- Khu vực 05: Nút Huỷ Lệnh
- Khu vực 06: Nút Sửa lệnh

Tài liệu này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree. Việc phổ biến và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này nằm ngoài mục đích sử dụng cá nhân hoặc phi thương mại đều bị nghiêm cấm.